

Bản án số: 60/2020/HS-PT
Ngày 31-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thanh Bình;

Ông Lương Ng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bùi Thị Thu Hương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử P thẩm công khai vụ án hình sự P thẩm thụ lý số 53/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

Phạm Văn T, sinh năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/10/2019 Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2019, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Phạm Văn T, Bùi Văn P, Phạm Hoàng H:

Tối ngày 08/9/2019, Phạm Văn T, Bùi Văn P, Lê Quý K và Ngh (chưa xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể) uống rượu ở quận Dương Kinh, Hải Phòng. Sau đó P đi về trước, T rủ Ngh và K đến quán “Karaoke Cafe Việt” để hát và gọi điện

thoại rủ P đến quán để hát cùng. Trên xe taxi đi đến quán cùng với K (Ngh đi xe mô tô), T nảy sinh mục đích mua ma túy để cả nhóm sử dụng nên gọi điện thoại cho P bảo P chuẩn bị ma túy để mọi người sử dụng, P đồng ý sau đó điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15L1-087.55 đi đến quán.

Khi T, K, Ngh đến quán “Karaoke Cafe Việt” thì gặp Phạm Hoàng H là nhân viên của quán ở tầng 1. T bảo H sắp xếp cho 01 phòng hát và bố trí 03 nhân viên nữ lên phòng để phục vụ. H đồng ý và gọi lên tầng 2 cho Th để Th bố trí phòng. Lúc này, T dùng điện thoại di động gọi cho P, rồi đưa điện thoại cho H để H nói chuyện với P. Qua điện thoại, P bảo H mua hộ ma túy để P và bạn bè sử dụng nhưng không nói cụ thể số lượng là bao nhiêu, H đồng ý. Sau đó T, K và Ngh được sắp xếp hát tại phòng hát số 02. H gọi Phạm Thị H1, Đinh Thị Minh Ng, Bùi Thị H2 là nhân viên của quán vào phục vụ. H xuống tầng 1 gọi điện thoại cho người có tên là Đ để mua 02 viên ma túy “keo” và 0,5 gam ma túy Ketamine. Một lúc sau, khi P đến quán và gặp H ở tầng 1 của quán, P hỏi H đã lấy được ma túy chưa thì H bảo P lên phòng 2 trước. Sau đó “Đ” đi đến quán và bán cho H 02 viên ma túy “keo” và 0,5 gam ma túy Ketamine với giá 1.500.000 đồng. H cầm ma túy lên phòng hát số 02 thì không thấy P (P lúc này đang ở trong phòng vệ sinh ở hành lang tầng 2 của quán), trong phòng chỉ có T, K, Ngh và Ng, H2. Thấy vậy, H để ma túy trên mặt bàn tại vị trí trước mặt của T đang ngồi và trao đổi với T là ma túy cho mọi người sử dụng, T đồng ý, rồi H đi ra ngoài. T lấy 02 viên ma túy “Keo” cất vào túi quần của mình, mục đích để bản thân sử dụng riêng. Đồng thời T bỏ thẻ ATM từ trong ví của mình ra để lên đĩa sứ màu trắng có sẵn trên bàn, mục đích để mọi người đánh ma túy Ketamine sử dụng, lúc này các nhân viên nữ là Ng và H2 cũng có mặt ở trong phòng hát và chứng kiến. Trên đĩa có sẵn 01 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút, cố định bằng đầu lọc thuốc lá do khách hát từ trước để lại.

Khi P vào phòng thấy ma túy Ketamine, đĩa sứ, thẻ ATM và tờ tiền được cuộn sẵn ở trên bàn nên lấy ma túy Ketamine đổ ra đĩa rồi lấy thẻ ATM đánh ma túy Ketamine cho mọi người sử dụng. Do không biết đánh ma túy Ketamine (đánh không được mịn) nên P bảo Hạnh ra ngoài gọi H vào phòng hát, mục đích để đánh ma túy Ketamine giúp, nhưng P không nói cho Hạnh biết mục đích gọi H lên phòng để làm gì. Khi H vào phòng hát thì thấy trên đĩa sứ có ma túy Ketamine còn dạng cục nên H dùng thẻ ATM có sẵn trên đĩa đánh ma túy Ketamine cho mịn để mọi người sử dụng. Khi H đánh ma túy xong, P mời H sử dụng ma túy nhưng H không sử dụng, sau đó H đi ra ngoài. P kẻ 01 phần ma túy ở đĩa thành các đường thẳng, có chiều dài khoảng 2-3cm, rồi cầm đĩa sứ đựng ma túy ra vị trí của T mời T sử dụng. T đồng ý và sử dụng hết 02 đường ma túy. P mời chị Đinh Thị Minh Ng, Ng đồng ý và sử dụng 02 đường ma túy Ketamin; P mời Lê Quý K sử dụng, K đồng ý và sử dụng hết 01 đường ma túy Ketamin. P mời H2 và Hạnh sử dụng ma túy nhưng cả hai người đều không sử dụng. P cũng sử dụng 01 đường ma túy Ketamine. Sau khi sử dụng xong, P đang cầm đĩa sứ trên tay thì bị Công an huyện Kiến Thụy vào kiểm tra phát hiện, thu giữ các vật chứng như trên.

Kết luận giám định số 467 ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu M1 thu tại phòng hát số 02 là ma túy, khối

lượng 0,51 gam, là loại Ketamine; mẫu M2 thu tại phòng hát số 02 là ma túy, khối lượng 0,62 gam, là loại MDMA và Methamphetamine.

Kết luận giám định số 471 ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu nước tiểu của Phạm Văn T, đều tìm thấy chất ma túy MDMA, Methamphetamine và Ketamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 30/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy đã: Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Ngoài ra còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo đồng phạm (tại phòng hát số 2). Và tuyên xử lý vật chứng, Ngh vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2020 bị cáo Phạm Văn T kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt đối với cả 2 tội. Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo nhận tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời trình bày có ông nội tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân chương. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viện thể hiện như sau:* Căn cứ hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở khẳng định bị cáo Phạm Văn T phạm 2 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xuất trình tài liệu có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì có các tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với cả 2 tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm 02 tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, nhưng vì mức án quá cao, nên xin giảm nhẹ hình phạt.

** Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T:*

[2] Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Phạm Văn T có hành vi lựa chọn địa điểm, phân công Bùi Văn P chuẩn bị chất ma túy, chuẩn bị các dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy. Bùi Văn P theo sự phân công của Phạm Văn T liên lạc với Phạm Hoàng H để H cung cấp chất ma túy, sau đó Bùi Văn P và Phạm Hoàng H đánh ma túy Ketamin; Bùi Văn P trực tiếp sử dụng ma túy và mời các đối tượng Phạm Văn T, Lê Quý K và Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 30/4/2004 (là người trên 13 tuổi, dưới 18 tuổi) sử dụng ma túy Ketamin trong phòng hát. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T, cùng các bị cáo khác đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với các tình tiết định khung hình phạt là “đối với 02 người trở lên” và “đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T: T khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo khác và các đối tượng có liên quan đủ căn cứ để xác định bị cáo T cất giữ 02 viên thuốc lắc qua giám định là 0,62 gam, là loại MDMA và Methamphetamine với mục đích để sử dụng riêng cho bản thân nên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo quanh co, nên cả 2 tội đều không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xuất trình tài liệu có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với cả hai tội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với cả hai tội.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

- Về án phí hình sự P thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án số 27/2020/HSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ng Dũng Phạm Thị Thanh Bình

Nguyễn Văn Thiệm

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Công an huyện Kiến Thụy;
- Tòa án huyện Kiến Thụy;
- Cơ quan THA HS huyện Kiến Thụy;
- Cơ quan THA DS huyện Kiến Thụy;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm